

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

HOÀNG THỊ KHÁNH LY

TƯ DUY NGHỆ THUẬT TRUYỆN NGẮN NỮ VIỆT NAM
GIAI ĐOẠN 1975-1985

Ngành: Văn học Việt Nam
Mã số: 9220121

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HỌC VIỆT NAM

Đà Nẵng - Năm 2025

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Hồ Thế Hà

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá Luận án cấp Trường ngành Văn học Việt Nam họp tại Trường Đại học Sư phạm vào ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

Thư viện Quốc gia;

Thư viện Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Văn xuôi Việt Nam hậu chiến 1975-1985 được xem là giai đoạn bản lề từ thời chiến chuyển sang thời bình, từ khuynh hướng sử thi - dân tộc chuyển sang khuynh hướng đời tư - thế sự; từ giọng cao chuyển sang giọng trầm; từ cảm hứng chủ đạo là lãng mạn, hào hùng chuyển sang cảm hứng nhìn nhận bi kịch và đạo đức, nhân văn mới.

1.2. Truyện ngắn nữ giai đoạn này đã kịp thời chiếm lĩnh và phản ánh hiện thực bộn bề của đất nước sau hoà bình, tạo được thành tựu bước đầu vững chắc với nhiều tác giả, tác phẩm tiêu biểu, có sức sống và đem lại hiệu quả đáng kể trong tiếp nhận của nhiều đối tượng bạn đọc. Truyện ngắn nữ kế thừa từ truyện ngắn giai đoạn trước 1975 và tiếp tục xác lập được tư duy nghệ thuật riêng, làm tiền đề cho truyện ngắn nữ giai đoạn từ Đổi mới (1986) trở về sau tiếp biến, vận động và phát triển trên cùng một dòng chảy thống nhất.

Xuất phát từ cái nhìn khoa học và biện chứng, chúng tôi tìm hiểu truyện ngắn nữ giai đoạn này vừa để khẳng định thành tựu hợp quy luật của nó vừa để khám phá bản chất sáng tạo nữ giới qua một thể loại tư sự cụ thể.

1.3. Nghiên cứu “Tư duy nghệ thuật truyện ngắn nữ Việt Nam giai đoạn 1975-1985”, luận án khẳng định vị trí và thành tựu của truyện ngắn các tác giả nữ giai đoạn này.

2. Mục đích nghiên cứu

- Chỉ ra bước ngoặt chuyển mình và nhu cầu đổi mới hợp quy luật của văn học từ thời chiến chuyển sang thời bình thông qua các khuynh hướng nghệ thuật và hệ đề tài chủ yếu.

- Chỉ ra đặc điểm và diện mạo truyện ngắn nữ giai đoạn 1975-1985 thông qua các tác giả và tác phẩm tiêu biểu.

- Chỉ ra tư duy nghệ thuật truyện ngắn nữ Việt Nam giai đoạn 1975-1985 ở hai cấp độ nội dung và hình thức mang tính quan niệm.

- Chỉ ra sự vận động và phát triển thể loại truyện ngắn giai đoạn

này trong tính kế thừa truyện ngắn Việt Nam giai đoạn trước 1975 và là tiền đề, cơ sở cho sự vận động, phát triển của truyện ngắn nữ giới đoạn từ Đổi mới đến nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Các nhà văn nữ tiêu biểu trong mười năm đầu sau chiến tranh: Vũ Thị Thường, Nguyễn Thị Ngọc Tú, Nguyễn Thị Như Trang, Lê Minh Khuê, Dương Thu Hương, Vũ Thị Hồng, Lê Thị Mây, Dạ Ngân, Phạm Thị Minh Thư, Trần Thùy Mai, Ngô Thị Kim Cúc, Lý Lan... Ngoài ra, luận án còn mở rộng liên hệ, khảo sát với truyện ngắn nữ Việt Nam trước năm 1975 và sau năm 1986 để so sánh, đối chiếu.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Những đặc điểm cơ bản của tư duy nghệ thuật truyện ngắn nữ giới đoạn 1975-1985 nhìn từ cảm hứng nghệ thuật, biểu hiện cụ thể thành các đề tài/ phạm vi hiện thực của đời sống được phản ánh vào tác phẩm và một số phương thức thể hiện đặc sắc.

- Có những sáng tác rơi vào hai thời khoảng trước 1975 hoặc sau 1985 nhưng phù hợp với đặc điểm và tư duy truyện ngắn nữ giới đoạn này cũng được trích dẫn phù hợp với những luận điểm khoa học được đặt ra trong luận án.

4. Hướng tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Hướng tiếp cận

Đề tài tiếp cận theo hướng vận dụng lý thuyết về tư duy nghệ thuật truyện ngắn để nghiên cứu đặc trưng truyện ngắn Việt Nam giai đoạn 1975-1985 trong tiến trình vận động của truyện ngắn Việt Nam hiện đại, nhằm chỉ ra tư duy thể loại truyện ngắn nữ ở bình diện nội dung và hình thức mang tính quan niệm.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết nhiệm vụ khoa học của đề tài, chúng tôi sử dụng kết hợp một số phương pháp chuyên ngành chủ yếu sau:

- *Phương pháp thống kê, phân loại*
- *Phương pháp phân tích, tổng hợp*

- *Phương pháp loại hình*
- *Phương pháp cấu trúc - hệ thống*
- *Phương pháp so sánh, đối chiếu*

5. Đóng góp mới của luận án

- Luận án mô tả được diện mạo truyện ngắn nữ 1975-1985 và quá trình vận động tư duy nghệ thuật truyện ngắn trên đường biên và bước ngoặt chuyển mình giữa chiến tranh và hòa bình, nhất là ở lối viết/ ngôn ngữ mang đặc điểm văn chương nữ.

- Xác định được những tiền đề bản chất cho sự đổi mới tư duy và cái nhìn nghệ thuật truyện ngắn của các nhà văn nữ, đặc biệt là những nhà văn trưởng thành sau hoà bình mà sự nghiệp của họ còn tiếp tục khẳng định trong thời kì đổi mới 1986 và các thời kỳ hậu đổi mới.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- Chỉ ra những đặc trưng cơ bản về nội dung nghệ thuật và hình thức nghệ thuật của truyện ngắn nữ Việt Nam 1975-1985, xem đây như là mô hình khách thể trong tương quan với mô hình sáng tạo của chủ thể, phù hợp với quy luật của đời sống và nghệ thuật trong từng thời khoảng và trong cả giai đoạn.

- Khẳng định giá trị của truyện ngắn nữ giai đoạn này trong dòng chảy của nền truyện ngắn Việt Nam hiện đại.

7. Cấu trúc luận án

Ngoài phần *Mở đầu*, *Kết luận*, *Tài liệu tham khảo* và *Tác phẩm*, *Nội dung* của luận án được triển khai trong bốn chương:

Chương 1. *Tổng quan tình hình nghiên cứu truyện ngắn nữ Việt Nam giai đoạn 1975-1985*

Chương 2. *Vấn đề tư duy nghệ thuật và diện mạo truyện ngắn nữ Việt Nam giai đoạn 1975-1985*

Chương 3. *Tư duy nghệ thuật truyện ngắn nữ Việt Nam giai đoạn 1975 -1985 nhìn từ đề tài và cảm hứng nghệ thuật*

Chương 4. *Tư duy nghệ thuật truyện ngắn nữ Việt Nam giai đoạn 1975-1985 nhìn từ phương thức nghệ thuật*

NỘI DUNG

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRUYỆN NGẮN NỮ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1975-1985

1.1. Những nghiên cứu về truyện ngắn nữ Việt Nam giai đoạn 1975-1985

1.1.1. Những nghiên cứu chung

Được đánh giá là thể loại xung kích trong văn học giai đoạn này, truyện ngắn nữ cũng trở thành mối quan tâm của giới nghiên cứu. Có khá nhiều ý kiến, bài viết nghiên cứu một cách khái quát về nội dung, phương thức nghệ thuật của truyện ngắn nữ sau năm 1975 nói riêng và truyện ngắn giai đoạn 1975-1985 nói chung. Những bài viết đó tập trung trong các công trình: *Văn học Việt Nam thế kỷ XX - Những vấn đề lịch sử và lý luận* (Phan Cự Đệ chủ biên, NXB Giáo dục, 2004), *Văn học Việt Nam sau 1975 - Những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy* (Nguyễn Văn Long và Lã Nhâm Thìn chủ biên, NXB Giáo dục, 2005), *Văn học Việt Nam sau 1975 và việc giảng dạy trong nhà trường* (Nguyễn Văn Long, NXB Giáo dục, 2009), *Văn học 1975-1985 tác phẩm và dư luận* (Nhiều tác giả, NXB Hội Nhà văn, 1997), *Truyện ngắn - Những vấn đề lý thuyết và thực tiễn thể loại* (Bùi Việt Thắng, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000) và nhiều công trình của các tác giả khác...

Lã Nguyên trong bài viết *Văn học Việt Nam 1975-1991, Nhìn lại các bước đi, lắng nghe những tiếng nói* đã nêu những nét cơ bản của văn học Việt Nam giai đoạn 1975-1985: “Đây là giai đoạn khởi động của văn học thời kỳ đổi mới, (...) lịch sử Việt Nam chuyển qua một thời đại mới, nhưng văn học nghệ thuật thì hình như vẫn vận động theo quán tính của văn học thời chiến. Đề tài về chiến tranh và người lính vẫn là đề tài cơ bản của nhiều sáng tác văn học”. Trong một bài viết khác *Văn học Việt Nam trong bước ngoặt chuyển mình*, Lã Nguyên nhận xét: “Trước 1975, nhà văn sáng tác là để biểu dương ca ngợi: ca ngợi Tổ quốc, ca ngợi nhân dân và biểu dương tất cả những gì tiêu biểu cho

nhân dân, cho Tổ quốc. Sau 1975, người cầm bút lại có nhu cầu luận bàn, điều trần, thậm chí dùng sáng tác văn học để kiến nghị với xã hội về hàng loạt vấn đề quan trọng của đời sống”.

Trong công trình *Những đổi mới văn xuôi nghệ thuật Việt Nam sau 1975 - Khảo sát trên nét lớn*, nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Bình đánh giá giai đoạn 1975-1985 là “Chặng đường khởi động phải chuẩn bị cho cao trào đổi mới”, trong đó có truyện ngắn nữ.

Đánh giá truyện ngắn giai đoạn 1975-1985, nhà nghiên cứu Bùi Việt Thắng trong *Truyện ngắn - những vấn đề lý thuyết và thực tiễn thể loại* (NXB Đại học quốc gia Hà Nội) khẳng định trong mười năm này, truyện ngắn phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng.

Viết về văn chương nữ giới, Huỳnh Như Phương trong bài viết *Văn học hôm nay đang nhìn lại chính mình* (Tạp chí Văn học, số 1) đã lý giải rằng: “Nhìn dọc suốt thế kỷ XX này, rõ ràng là tầm nhìn của người phụ nữ trong sáng tác văn học, cũng như cõi lòng của họ biểu hiện trong thơ văn ngày càng mở rộng hơn với tất cả các chiều kích của nó”.

Trong công trình luận án phó tiến sĩ *Những đặc điểm cơ bản của truyện ngắn Việt Nam 1975-1995* (1995), tác giả Lê Thị Hương đã nghiên cứu các đặc điểm cốt truyện và kết cấu, hệ thống nhân vật, thời gian, không gian nghệ thuật và ngôn ngữ của truyện ngắn 1975-1995. Từ đó, tác giả khẳng định: “Truyện ngắn ngày càng tích lũy được nhiều giá trị nghệ thuật cả về nội dung lẫn hình thức biểu hiện, mở rộng phạm vi nhận thức của thể loại, đạt đến chỗ hoàn thiện về mặt kĩ thuật, phương thức tiếp cận hiện thực phong phú hơn các giai đoạn trước”.

Nhìn một cách tổng thể, nghiên cứu văn học 1975-1985 với tư cách là một giai đoạn khởi động của văn học thời kỳ hậu chiến, các nhà nghiên cứu đều chỉ ra những đóng góp của văn học giai đoạn này, đặc biệt là truyện ngắn nữ trong tiến trình vận động của văn học Việt Nam từ sau năm 1975.

1.1.2. Những nghiên cứu riêng về tác giả, tác phẩm

Trong mười năm 1975-1985, truyện ngắn đã phát triển mạnh mẽ cả về số lượng lẫn chất lượng. Vì vậy, sau đó đã có nhiều công trình nghiên cứu về truyện ngắn và truyện ngắn nữ.

Bùi Việt Thắng trong *Bình luận truyện ngắn*, (1999), đã có hàng chục bài viết về nhà văn cùng các truyện ngắn của họ viết về tính nữ đặc biệt các nhà văn nữ viết về giới của mình.

Phan Minh Ngọc có bài viết về tập truyện đầu tay *Bài thơ về biển khơi* (1983) của Trần Thùy Mai, khẳng định “bước đi ban đầu” của cây bút trẻ này và không quên đặt kỳ vọng vào nữ nhà văn.

Tác giả Hồ Thế Hà trong bài *Truyện ngắn Trần Thùy Mai - những giấc mơ huyền thoại* chỉ ra vẻ đẹp nổi bật trong truyện ngắn Trần Thùy Mai là “yếu tố huyền thoại, cổ tích” cùng “giọng văn nhẹ nhàng êm dịu, giàu chất thơ”.

Tiếp nhận tập truyện ngắn *Trăng trên cát* của Lê Thị Mây, tác giả Hồ Thế Hà có bài viết: *Lê Thị Mây - một cây bút nhiều triển vọng* có nhận xét: “Bằng vốn kỹ ức trong chiến tranh, chị đã nhìn lại chiến tranh và con người trong chiến tranh ở góc độ soi rọi những nỗi đau, những bi kịch âm thầm của tâm hồn con người”.

Phạm Phú Phong có bài viết *Truyện ngắn Trần Thùy Mai giai đoạn hậu chiến*, và đề cao chất văn của nhà văn này.

Trong bài viết *Những đóng góp của cây bút nữ Hà Khánh Linh*, Trần Trung Hỷ khẳng định đóng góp của nhà văn này trong dòng chảy truyện ngắn nữ hậu chiến...

Ngoài ra, còn khá nhiều luận án, luận văn liên quan đến truyện ngắn của các tác giả nữ giai đoạn này. Các luận văn, luận án này hầu hết đề cập đặc điểm nội dung và hình thức tác phẩm của từng tác giả cụ thể.

Tóm lại, những nhà nghiên cứu, nhà phê bình văn học đã tập trung khám phá vẻ đẹp, sự nhạy cảm trong tâm hồn người phụ nữ và đồng thời khẳng định vị trí, vai trò của các tác giả truyện ngắn nữ trong giai đoạn 1975-1985. Qua đó, góp phần khẳng định xu thế đổi mới của thể loại truyện ngắn nói riêng cũng như cả nền văn học Việt Nam giai đoạn 1975-1985 nói chung.

1.2. Nhận xét tình hình nghiên cứu và hướng triển khai đề tài

1.2.1. Nhận xét tình hình nghiên cứu

Thứ nhất: Truyện ngắn nữ Việt Nam 1975-1985 diễn ra khoảng mười năm có tính bước ngoặt hợp quy luật, đã trở thành đối tượng được các nhà lý luận, phê bình và các nhà nghiên cứu quan tâm khảo cứu, bàn luận từ rất sớm.

Thứ hai: Các công trình, bài viết đã đánh giá khái quát về diện mạo chung của truyện ngắn nữ giai đoạn này nhưng ở bước đầu chưa có công trình nào nghiên cứu, tổng kết một cách hệ thống để chỉ ra sự vận động, đổi mới của truyện ngắn nữ hậu chiến cùng sự chuyển đổi hệ hình tư duy của nó.

Thứ ba: Việc nghiên cứu truyện ngắn nữ Việt Nam giai đoạn 1975-1985 đã lật xới nhiều vấn đề, nhiều yếu tố tham gia cấu thành tác phẩm. Dù vậy, đa số các công trình đều quan tâm nghiên cứu trường hợp từng tác giả, tác phẩm tiêu biểu, chứ ít có công trình tập trung nghiên cứu chuyên sâu về tư duy nghệ thuật của truyện ngắn nữ giai đoạn này để chỉ ra sự vận động và phát triển thể loại.

1.2.2. Hướng triển khai đề tài

Thứ nhất: Nghiên cứu diện mạo truyện ngắn nữ và tư duy nghệ thuật truyện ngắn nữ để lý giải triết đề và cắt nghĩa sâu hơn về những đặc thù nghệ thuật trong các tác phẩm truyện ngắn nữ giai đoạn 1975-1985; từ đó, có được sự đánh giá khách quan, khoa học cần thiết về hiện tượng và tiến trình vận động của truyện ngắn nữ giai đoạn này, nhất là những cách tân, đổi mới trong tư duy nghệ thuật.

Thứ hai: Nghiên cứu tư duy nghệ thuật truyện ngắn nữ Việt Nam giai đoạn 1975-1985 để làm rõ bước chuyển của truyện ngắn nữ từ thời chiến chuyển sang thời bình.

Thứ ba: Luận án còn hướng tới khẳng định vị trí và thành tựu của truyện ngắn nữ giai đoạn 1975-1985 trong tính kế thừa và phát triển của truyện ngắn nữ giai đoạn 1945-1975 và là tiền đề cho truyện ngắn nữ giai đoạn đổi mới từ 1986 đến nay.

Chương 2

VẤN ĐỀ TƯ DUY NGHỆ THUẬT VÀ ĐIỆN MẠO TRUYỆN NGẮN NỮ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1975-1985

2.1. Vấn đề tư duy nghệ thuật truyện ngắn

2.1.1. Khái niệm tư duy và tư duy nghệ thuật

Theo *Từ điển bách khoa toàn thư Việt Nam*, tập 4, *tư duy* là “sản phẩm cao nhất của vật chất được tổ chức một cách đặc biệt - bộ não con người. Tư duy phản ánh tích cực hiện thực khách quan dưới dạng các khái niệm, sự phán đoán, lý luận...”.

Dù có nhiều cách hiểu khác nhau nhưng nhìn chung, mọi người đều có điểm gặp nhau căn bản rằng tư duy là hoạt động trí tuệ để nhận thức và hiểu biết về thế giới khách quan và là hoạt động sáng tạo của con người gắn với hiện thực và suy ngẫm, tưởng tượng. Trong *150 thuật ngữ văn học*, Lại Nguyên Ân xem tư duy nghệ thuật là khái niệm “chỉ một dạng hoạt động trí tuệ, nhằm sáng tạo và tiếp nhận tác phẩm nghệ thuật”.

Còn *Từ điển thuật ngữ văn học* thì cho rằng: *Tư duy* là “dạng hoạt động trí tuệ của con người hướng tới sáng tạo và tiếp nhận nghệ thuật... Bản chất của nó là do phương thức thực tiễn tinh thần của hoạt động chiếm lĩnh thế giới bằng hình tượng quy định”. Còn *tư duy nghệ thuật* là “một bộ phận của hoạt động nghệ thuật nhằm khái quát hóa hiện thực và giải quyết nhiệm vụ thẩm mỹ”.

Từ những ý kiến trên, chúng tôi đi đến quan niệm về *tư duy* và *tư duy nghệ thuật* như sau: ***Tư duy*** là phạm trù triết học dùng để chỉ những hoạt động của tinh thần, giúp con người sửa đổi và cải tạo thế giới thông qua hoạt động vật chất và tinh thần, giúp con người nhận thức đúng đắn về sự vật và thế giới chung quanh; đồng thời có cách ứng xử với nó; từ đó, phản ánh quá trình nhận thức ở trình độ cao, thông qua sự nhận thức một cách khái quát tích cực và sáng tạo về thế giới qua các khái niệm, phán đoán. Còn ***Tư duy nghệ thuật*** là dạng hoạt động trí tuệ của con người hướng tới sáng tạo và giao tiếp tác phẩm nghệ thuật. Đây là hình thức phản ánh thế giới xung quanh của mỗi chủ thể, giúp họ bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc và tư tưởng bản

thân để tạo ra những sản phẩm nghệ thuật độc đáo, mang tính đặc trưng, gắn kết giữa tình cảm và lý trí thông qua ngôn từ để làm chiếc cầu nối giữa người sáng tạo và người tiếp nhận. Tư duy hình tượng là đặc trưng chủ yếu của tư duy nghệ thuật.

2.1.2. Tư duy nghệ thuật truyện ngắn

Có nhiều công trình nghiên cứu về tư duy truyện ngắn và đặc điểm truyện ngắn cũng như phương thức hình thành tác phẩm truyện ngắn, các yếu tố cấu thành truyện ngắn cũng như sự tác động của nó đối với người đọc. Ai cũng thừa nhận truyện ngắn, nói theo dạng nguyên thủy của thuật ngữ là nó phải mang hình thức ngắn gọn, đọc một hơi là xong câu chuyện để nắm bắt nội dung và tư tưởng của câu chuyện mà tác giả cần thông điệp đến người đọc.

Cùng quan niệm trên, Paustovsky cho rằng sự ngắn gọn là hình thức căn bản của truyện ngắn: “Truyện ngắn là một truyện viết rất ngắn gọn, trong đó cái không bình thường hiện ra như một cái gì đó bình thường, và cái bình thường hiện ra như một cái gì không bình thường”.

Daniel Grojnowski cho rằng hai thành phần làm nên các biến đổi lịch sử và các dị bản hình thức truyện ngắn đã làm xuất hiện những cách hiểu và cách quan niệm về truyện ngắn khác nhau. Các nhà viết truyện ngắn phải bám vào những đặc điểm sau đây để hình thành tư duy viết truyện ngắn:

-Thứ nhất, phải xem truyện kể (récit) và hành động (action) là chỉ sự vận hành của một câu chuyện. Trong ý nghĩa này, truyện ngắn giống với một số truyện kể khác như: truyền thuyết, sử thi, tiểu thuyết, hay ngụ ngôn. Một sự kiện được thuật lại (chính là “câu chuyện”) và một người kể chuyện phải thuật lại điều đó.

Quả thực, một sự đa dạng từ ngữ đã chỉ ra mọi dạng thức các loại truyện kể ngắn: truyện kể, câu chuyện, ngụ ngôn, giai thoại, truyện đạo đức, truyện phiêu lưu, cảnh huống (trường hợp kỳ lạ), cảnh kịch (tấn kịch cuộc đời).

-Thứ hai, truyện kể ngắn (récit bref). Truyện ngắn đồng thời cũng được chỉ ra bởi cấu trúc đơn giản “kết cấu kịch”. Sự mô tả này

gắn độ dài vật chất (định giá bằng số lượng trang) với các thành phần của truyện mà người ta đồng thời cũng có thể kiểm tra bằng số lượng của các chương hoặc các nhân vật. Hình như sự ngắn gọn làm cho quyết định lột tả trở nên rõ ràng, và truyện ngắn - *hình thức ngắn* - đồng thời cũng là một *hình thức đơn giản*.

Tư duy nghệ thuật nói chung, tư duy nghệ thuật truyện ngắn nói riêng chịu sự chế ước của nhiều yếu tố: đặc điểm tâm sinh lý, cá tính sáng tạo, kinh nghiệm và trình độ thẩm mỹ của chủ thể, môi trường văn hóa - xã hội... Điều này thể hiện rõ qua hình tượng nhân vật và diễn ngôn của các tác giả truyện ngắn.

Bên cạnh nội dung là hình thức - hình thức mang tính quan niệm cũng là yêu cầu cao của tư duy nghệ thuật truyện ngắn mà yếu tố đầu tiên là ngôn ngữ, rồi từ ngôn ngữ là giọng điệu để xác nhận tư cách văn chương của tác giả. Nhà văn tư duy bằng và qua ngôn ngữ chính là hình thức tư duy đầu tiên và quan trọng để hình thành nên thế giới nghệ thuật.

Tư duy truyện ngắn là một biểu hiện căn bản của tư duy nghệ thuật. Tư duy nghệ thuật biểu hiện thành thế giới nghệ thuật và thế giới ấy cũng bộc lộ trọn vẹn hình thức của nó trong nhận thức và cảm thụ nội dung. Thế giới nghệ thuật mà nhà văn tư duy, đó là *chất nghệ thuật*, là *ngôn ngữ*, là *cái nhìn nghệ thuật*, cuối cùng là *phong cách*...

2.2. Bối cảnh lịch sử và nhu cầu đổi mới nghệ thuật truyện ngắn

2.2.1. Khái lược về bối cảnh xã hội

Văn học Việt Nam giai đoạn sau 1975 -1986 diễn ra trong hoàn cảnh và điều kiện đặc thù nên lịch sử - xã hội cũng có những đặc điểm mới, thể hiện tính quy luật và đặc điểm bản chất của chúng. Năm 1975, cuộc chiến tranh chống Mỹ lâu dài và hy sinh, gian khổ đã kết thúc thắng lợi bằng chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Đất nước Việt Nam được thống nhất, Nam - Bắc một nhà; từ đó, mở ra nhiệm vụ mới là nhanh chóng hoà hợp hai miền, hàn gắn vết thương chiến tranh, tiếp tục tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Ngày 25 tháng 4 năm 1976, tổng tuyển cử bầu quốc hội chung cả hai miền. Sau đó, Quốc hội quyết định đổi tên nước thành Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Nhưng cũng từ hiện thực hậu chiến này, nhân dân ta liền phải đối mặt với biết bao khó khăn, thách thức, nhiều khi đến khắc nghiệt, tưởng không thể vượt qua. Những hậu quả chiến tranh chưa được hàn gắn, thực trạng lòng người còn nhiều bàng hoàng, ngỡ ngàng trong cuộc đại đoàn viên. Công tác quản lý xã hội và kinh tế chưa thật sự có kinh nghiệm, công tác sắp xếp cán bộ trong tình hình mới còn nhiều bất cập, chưa thật sự dân chủ và còn lúng túng. Đời sống nhân dân khó khăn kéo dài, không có biện pháp khắc phục, nhiều diễn biến xấu, tiêu cực diễn ra trong nội bộ nhân dân và các tầng lớp thanh thiếu niên.

Dù vậy, chúng ta có niềm vui và niềm tự hào lớn, xuất phát từ Đại thắng mùa xuân năm 1975, mở ra bước ngoặt mới cho đất nước và dân tộc. Non sông liền một dải, nhân dân sum họp một nhà, Bắc Nam thống nhất, không khí hòa bình và viễn cảnh tốt đẹp của xã hội và con người được nhân lên trong tình thương yêu, hòa hợp với những kỳ vọng mới và sự phấn đấu mới của toàn Đảng, toàn dân. Không khí hoà bình là niềm vui và nguyện ước lớn nhất của toàn dân; từ đó, mọi người quyết tâm khai hoang, phục hoá, bắt tay vào việc xây dựng lại đất nước sau chiến tranh để con người ngày càng ấm no, hạnh phúc.

Tất cả bối cảnh lịch sử đó đã tác động đến các hình thái ý thức xã hội thuộc kiến trúc thượng tầng. Vì vậy, nhu cầu đổi mới văn học, trong đó, truyện ngắn là thể loại thay đổi sớm và có thành tựu.

Qua khảo sát khái quát, chúng tôi nhận thấy văn học 1975-1985 vận động và phát triển trong hoàn cảnh hòa bình nhưng có nhiều biến động và tác động của nhiều yếu tố nội sinh và ngoại sinh nên cũng có những so le và diễn ra không bình lặng. Nhưng nhìn chung trong từng giai đoạn có tính bản lề, văn học đã xác định được hướng đi hợp quy luật và có những thành tựu đáng kể.

2.2.2. Nhu cầu đổi mới nghệ thuật truyện ngắn

Sau năm 1975, Việt Nam thống nhất đất nước, kết thúc chiến tranh

và chuyển sang xây dựng chủ nghĩa xã hội, điều này đã tác động sâu sắc đến văn học. Văn học trước đó chủ yếu xoay quanh đề tài chiến tranh và kháng chiến, nhưng sau chiến tranh, các tác phẩm chuyển sang phản ánh cuộc sống thời bình và công cuộc tái thiết đất nước. Giai đoạn hậu chiến mở ra những tác phẩm tập trung vào các vấn đề xã hội, như sự khó khăn, thiếu thốn và đổi mới văn học từ cuối thập niên 1980. Văn học cũng bắt đầu khai thác sâu vào thế giới nội tâm, phản ánh sự phức tạp và xung đột cá nhân trong xã hội.

Nhu cầu đổi mới văn học đã làm phong phú thêm thể loại, phong cách và chủ đề. Truyện ngắn trở thành thể loại chủ lực phản ánh hiện thực. Văn học giai đoạn này tiếp tục vận động theo quy luật, phát triển đa dạng về nội dung và hình thức, phản ánh những vấn đề nóng bỏng của xã hội thời kỳ hậu chiến và giai đoạn đổi mới.

2.3. Lực lượng cầm bút nữ và khuynh hướng sáng tạo, sự chiếm lĩnh hiện thực cuộc sống

2.3.1. Lực lượng cầm bút nữ

Văn học Việt Nam sau 1975 bắt đầu tìm kiếm sự thể hiện mới ở tất cả các thể loại. Trong đó, truyện ngắn có vai trò tiên phong trong việc chiếm lĩnh hiện thực đời sống và con người. Trong tiến trình chung đó, truyện ngắn nữ chiếm vị trí đáng kể trong tương quan với truyện ngắn nam, trước hết là đội ngũ sáng tác. So với lực lượng cầm bút nữ trước 1975, các cây bút nữ giai đoạn này tăng không nhiều lắm. Dù vậy, sự nối tiếp và đồng hành của các hệ nhà văn nữ này cũng hội đủ những gương mặt hợp lực để tạo nên tiếng nói riêng của từng thế hệ. Đặc biệt, chúng ta thấy được sự hợp thông qua lối viết riêng, nhiều giọng điệu và có cá tính. Để tạo thành lối viết đa dạng, mỗi người theo đuổi phong cách viết riêng mang đậm ý thức phá vỡ tính để thể hiện bản ngã sống và viết mang khát vọng thành thật, bình đẳng và giao hoà giao cảm với chung quanh.

Giai đoạn 1975-1985, các nhà văn nữ trẻ được bổ sung. Họ trưởng thành từ sau những năm hòa bình đầu tiên để hình thành thế hệ nối tiếp giàu cá tính, với tư duy hiện đại làm tiền đề cho giai đoạn kế tiếp từ 1986

trở đi. Các thể hệ cầm bút nữ đã góp phần không nhỏ trong việc kế thừa và cách tân thể loại, làm cho truyện ngắn ngày càng mới mẻ và phong phú hơn, đậm ý thức phái tính và âm hưởng nữ quyền, biểu hiện rõ phong cách sáng tạo có giọng điệu riêng so với giai đoạn trước 1975.

2.3.2. Khuynh hướng sáng tạo, sự chiếm lĩnh hiện thực cuộc sống

Từ bối cảnh lịch sử - xã hội và tình hình văn học như trên, truyện ngắn nữ Việt Nam giai đoạn 1975-1985 hình thành các khuynh hướng chính sau:

- Khuynh hướng nhận thức tối đa
- Khuynh hướng dân chủ tối đa
- Khuynh hướng đạo đức tối đa

Từ những khuynh hướng nghệ thuật như trên đã kéo theo sự chiếm lĩnh hiện thực cuộc sống trong truyện ngắn nữ Việt Nam giai đoạn 1975-1985 đa dạng và phong phú như sau:

- Hiện thực cuộc sống chiến tranh thời hậu chiến
- Hiện thực cuộc sống sum họp thời bình
- Hiện thực cuộc sống nông thôn
- Hiện thực cuộc sống đời tư - thể sự

Chương 3

TƯ DUY NGHỆ THUẬT TRUYỆN NGẮN NỮ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1975-1985 NHÌN TỪ ĐỀ TÀI VÀ CẢM HỨNG NGHỆ THUẬT

3.1. Đề tài chiến tranh với cảm hứng nhận thức lại hiện thực thời chiến

Đề tài chiến tranh vẫn là mối quan tâm hàng đầu của nhà văn. Tuy nhiên, các nhà văn đã mạnh dạn hơn khi chọn những thời điểm khốc liệt, gay gắt của chiến tranh làm bối cảnh để khám phá tâm lý, tính cách con người. Tuy nhiên, đề tài chính, quan trọng nhất và cũng đạt được nhiều thành công của các cây bút nữ khi viết về chiến tranh là khắc họa thân phận người, nhất là người phụ nữ trong và sau cuộc chiến. Viết về người cùng giới, các cây bút nữ đã phát huy hết thế mạnh của mình trong văn

chương, tạo ra những màu sắc chiến tranh khác so với sáng tác của các cây bút nam giới.

Nguyễn Thị Như Trang, Lê Minh Khuê, Dương Thu Hương, Lê Thị Mây... là những nhà văn trở về từ những cánh rừng, chứng kiến trực tiếp những nỗi bất hạnh của đồng đội nên phản ánh đề tài này rất kịp thời. Cảm hứng nhận thức lại chiến tranh và con người trong chiến tranh, các tác giả tái hiện những sự kiện, những hoàn cảnh đều mang tinh thần nhận thức tối đa, nhân đạo tối đa và đạo đức tối đa. Qua đó, họ muốn trả lời câu hỏi: Con người là gì và trong những hoàn cảnh ác liệt của chiến tranh, con người có khả năng làm được gì khi mọi khả năng giành quyền sống của họ đã bị vắt kiệt tận đáy.

Đề tài chiến tranh thông qua bi kịch của người phụ nữ thời chiến và kéo dài ra thời hậu chiến trong tác phẩm của các nhà văn nữ hầu như đều tập trung khai thác ở những chi tiết và góc khuất của số phận qua từng bi kịch. Ở đó mỗi nhân vật phải gánh chịu trong cả thời chiến và kéo dài ra đến xã hội thời bình. Các nhà văn nữ khẩn thiết trả lời những câu hỏi gấp gáp và buốt nhức hiện thực thời chiến và con người bằng diễn ngôn nghệ thuật giàu tính nhân văn, đạo đức.

3.2. Đề tài bi kịch sau chiến tranh với cảm hứng đề cao đạo đức, nhân văn

Truyện ngắn nữ sau 1975 khai thác đề tài, chủ đề gắn với nhu cầu hạnh phúc của con người cá nhân trong cuộc sống đời thường do hậu quả của cuộc chiến mang lại. Bi kịch của người phụ nữ trở về sau chiến tranh qua thời xuân sắc, họ không còn khả năng làm vợ, làm mẹ; bi kịch sum họp trong cuộc đại đoàn viên cũng hiện lên với nhiều trắc ẩn, trái ngang; bi kịch của người lính trở về với cuộc sống đời thường bất lực và có khi họ trở thành người “ăn mày dĩ vãng”.

Đề tài bi kịch sau chiến tranh gắn với nỗi buồn nhân sinh thể sự cộng hưởng với cảm hứng đề cao đạo đức nhân văn, đồng thời thể hiện sự chiêm nghiệm sâu sắc về những nỗi đau thương, những điều mất mát, những rủi ro bất hạnh của con người trong đời thường do chiến tranh gây ra và kéo dài dai dẳng đến thời hậu chiến.

Đề tài bi kịch sau chiến tranh với cảm hứng đề cao đạo đức, nhân văn thực sự đã góp phần vào việc nhận thức tối đa hiện thực thời bình của con người vừa đi qua chiến tranh và vẫn đang hướng về phía trước, kéo dài niềm đau, nỗi buồn của mình để đem lại niềm vui và sự tin yêu cho mọi người. Nguyễn Thị Ngọc Tú, Vũ Thị Thường, Lê Thị Mây, Lê Minh Khuê, Dương Thu Hương... là những nhà văn viết rất thành công và xúc động về đề tài này.

3.3. Đề tài đời tư - thể sự với cảm hứng nhận thức đa phân hiện thực thời bình

Đề tài đời tư - thể sự xuất hiện là nhu cầu và hướng đi đúng đắn của văn học. Các nhà văn nữ 1975-1985 cũng đã quan tâm thể hiện đề tài này một cách đa dạng và chân thật dựa trên hiện thực vốn có của cuộc sống và con người. Những hiện thực và quan hệ mới của cuộc sống thường nhật giữa con người với con người trong gia đình, trong xã hội được các nhà văn nữ khai thác bằng những chi tiết phong phú, cụ thể, chân chất và thực tế.

Trần Thuỳ Mai, Ngô Thị Kim Cúc, Lý Lan, Dạ Ngân... là những nhà văn trưởng thành trong giai đoạn này nên họ nắm bắt và cất nghĩa hiện thực thời họ sống bằng cái nhìn nhân văn và thực chứng rất chân thật. Chất chiêm nghiệm, triết lý ngày càng gia tăng và có khi trở thành những mệnh đề, những thao thức nhân sinh rất khẩn thiết và giàu ý nghĩa, giúp người đọc nhận ra một cách chân thật, cụ thể những vui buồn, ân nghĩa cuộc đời.

Có thể nói, đề tài đời tư - thể sự với cảm hứng nhận thức đa phân hiện thực thời bình là nét chung trong nhiều truyện ngắn nữ giai đoạn 1975-1985. Nhưng đó không phải là sự minh họa cho những nguyên tắc đạo đức có sẵn mà là những giá trị đạo đức gắn với thực tại cả nhân vật và tác giả đang kiến tạo nên. Cảm hứng đạo đức thường đi liền với cảm hứng nghiên cứu thực tại, nghiên cứu con người, phơi bày những trạng thái ý thức trước những trạng thái đời sống đa dạng và đa phân đang không ngừng vận động và phát triển.

Chương 4

TƯ DUY NGHỆ THUẬT TRUYỆN NGẮN NỮ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1975 – 1985 NHÌN TỪ PHƯƠNG THỨC NGHỆ THUẬT

4.1. Nhìn từ ngôn ngữ nghệ thuật

Ngôn từ nghệ thuật là một phương diện biểu hiện quan trọng của phương thức nghệ thuật. Ngôn ngữ tác phẩm văn học bao gồm các phương diện như sự lựa chọn từ ngữ, cú pháp, tổ chức đoạn văn và cách thức xây dựng hình ảnh, biểu tượng, cũng như giọng điệu và nhịp điệu, kiểu viết của văn bản. Căn cứ cách thể hiện ngôn ngữ và lối viết của các nhà văn nữ giai đoạn 1975-1985, luận án triển khai ngôn từ nghệ thuật ở hai kiểu nổi bật: Ngôn ngữ “dòng ý thức” và ngôn ngữ đời thường.

4.1.1. Ngôn ngữ “dòng ý thức”

Một trong những nỗ lực đổi mới ngôn ngữ của các tác giả truyện ngắn Việt Nam 1975-1985, trong đó, có một số cây bút truyện ngắn nữ tiêu biểu là định hình lối viết mang đặc điểm và tính sáng tạo riêng. Hai phương diện nổi rõ trong ngôn ngữ nghệ thuật của các nhà văn nữ giai đoạn này, đó là ngôn ngữ “dòng ý thức” và ngôn ngữ đời thường.

Ngôn ngữ “dòng ý thức” là một phương thức, kỹ thuật tự sự hiện đại, chủ yếu dựa vào kí ức và dòng hồi tưởng trong tâm lý nhân vật. Coi trọng ý thức và phản ánh tâm lý của nhân vật là đặc điểm nổi bật của bút pháp này.

Nhiều tác giả truyện ngắn nữ giai đoạn 1975-1985 bắt đầu thể nghiệm kỹ thuật này. Phạm Thị Minh Thư với *Có một đêm như thế*, Lê Thị Mây với *Hai người mẹ*, Nguyễn Thị Như Trang với *Năm tháng qua đi*, Ngô nhà trên cát của Dương Thu Hương, *Vị ngọt hòa bình* của Ngô Thị Kim Cúc... là điển hình lối viết ngôn ngữ “dòng ý thức” mà nhà văn ý thức thể hiện có hiệu quả.

Lối viết theo ngôn ngữ “dòng ý thức” trong văn học nữ giai đoạn này không chỉ giúp phá vỡ những rào cản về cấu trúc tự sự truyền thống

mà còn mở ra những phương diện mới để thể hiện nhân vật và tình huống, làm phong phú thêm sự phát triển của văn học Việt Nam đương đại đã thành công trong việc sử dụng kỹ thuật này.

4.1.2. Ngôn ngữ đời thường

Ngôn ngữ đời thường như một dạng ngôn ngữ phi chính thức, được sử dụng trong giao tiếp hàng ngày, phản ánh một cách tự nhiên và trực tiếp những trải nghiệm và cảm xúc của con người. Các nhà văn nữ giai đoạn này viết về thực tế cuộc đời, về niềm vui, nỗi buồn có thật của lòng mình bằng giọng điệu, ngôn ngữ riêng của mình, khác với nam giới. Thông qua các nhân vật, cốt truyện, nhà văn muốn thông điệp với người đọc những bài học nhân sinh sâu sắc. Nhân vật trong truyện ngắn của Nguyễn Thị Như Trang, Phạm Thị Minh Thư, Nguyễn Thị Ngọc Tú, Lê Minh Khuê, Lê Thị Mây... thông qua lời viết qua ngôn ngữ đời thường mang lại cảm giác gần gũi và chân thực đối với người đọc.

Đây là đặc điểm chung của ngôn ngữ truyện ngắn nữ giai đoạn này, nhưng ở từng nhà văn nữ là không giống nhau. Mỗi nhà văn có nhu cầu thể hiện theo từng kinh nghiệm quan hệ thông qua ngôn ngữ của từng nhân vật cụ thể.

4.2. Nhìn từ giọng điệu nghệ thuật

Một trong những yếu tố quan trọng nhất làm nên đặc trưng của truyện ngắn là giọng điệu. Đọc truyện ngắn nữ giai đoạn 1975-1985, ta thấy nổi lên các giọng điệu chính: giọng điệu tranh biện, đối thoại; giọng điệu suy luận, triết lý và giọng điệu xót xa, thương cảm.

4.2.1. Giọng điệu tranh biện, đối thoại

Các nhà văn nữ trong giai đoạn 1975-1985 được biết đến với tài kể chuyện. Họ sở hữu khả năng quan sát tinh tế và đưa ra những lập luận sắc bén, cùng với các triết lý sâu sắc, tất cả những điều này tạo nên sức hấp dẫn cho phong cách viết của họ. Qua lời kể, người đọc có cảm giác như đang trực tiếp chứng kiến dòng ý thức nội tâm của nhân vật, làm cho nhân vật trở nên sống động và đáng tin cậy.

Đậm nhạt khác nhau, phần lớn truyện Vũ Thị Thường, Nguyễn Thị Ngọc Tú, Trần Thùy Mai, Ngô Thị Kim Cúc, Lê Thị Mây, Nguyễn Thị Như Trang..., mỗi người một đặc điểm đã thể hiện kiểu giọng điệu tranh biện, đối thoại một cách đa dạng và thành công.

4.2.2. Giọng điệu suy luận, triết lý

Bên cạnh giọng tranh biện, đối thoại thì giọng điệu suy luận, triết lý cũng xuất hiện khá nhiều trong các sáng tác giai đoạn này. Các nhà văn nữ luôn ý thức xen cài, lồng ghép các chuyện với nhau để làm nổi bật những vấn đề thuộc về tư tưởng của tác phẩm. Với tư cách người kể chuyện, nhà văn dường như muốn người đọc cùng luận bàn, nghĩ ngợi những vấn đề về con người và hiện thực hôm nay.

Các nhà văn nữ đã tìm đến con người trong bề sâu hiện thực thầm kín và khám phá họ trong mối quan hệ giữa ý thức và vô thức, giữa cao cả và thấp hèn. Mỗi nhà văn lựa chọn cho mình một giọng điệu, một mạch ngầm sáng tác riêng.

Khuynh hướng triết lý - suy tưởng thể hiện khá đậm nét trong truyện ngắn nữ 1975-1985 là kết quả của quá trình nhận thức sâu về những quy luật của cuộc sống và con người. Giọng điệu triết lý xuất hiện là hệ quả của khuynh hướng ấy.

4.2.3. Giọng điệu xót xa, thương cảm

Bên cạnh hai giọng điệu tranh biện, đối thoại; suy luận, triết lý; một giọng điệu làm nên dấu ấn của các nhà văn nữ là giọng xót xa, thương cảm. Đây cũng chính là giọng “chủ âm” của truyện ngắn nữ giai đoạn 1975-1985. Giọng điệu thương cảm được thể hiện qua hầu hết những tác phẩm nữ giai đoạn 1975-1985 không chỉ làm nổi bật những mối quan hệ con người mà còn khắc họa rõ nét những nỗi đau, sự mất mát trong cuộc sống, giúp người đọc cảm nhận sâu sắc hơn về sự phức tạp của cảm xúc con người, tạo ra một dòng văn học đầy tính cảm thông và nhân văn sâu sắc.

Tất cả các giọng điệu nói trên đã góp phần làm nên một đặc điểm phong cách riêng của truyện ngắn nữ thời kỳ mười năm đầu sau hoà bình, góp phần đưa thể loại vận động và phát triển.

4.3. Nhìn từ không gian và thời gian nghệ thuật

4.3.1. Sự đa dạng thức và đa quan hệ của không gian nghệ thuật

Trước năm 1975, do yêu cầu của cách mạng nên không gian trong truyện ngắn nữ được phản ánh trong tác phẩm chủ yếu là hiện thực chiến tranh. Sự thay đổi trong quan niệm về không gian nghệ thuật giúp các nhà văn nữ phản ánh cuộc sống một cách toàn vẹn hơn, chân thực hơn.

Không gian sự kiện, xung đột là những sự kiện xảy ra trong đời sống hàng ngày có thể tác động đến đời sống nhân vật, gây ra những sự kiện khác nhau theo quan hệ nhân quả thành một chuỗi sự kiện.

Từ những năm 80 trở đi không gian hiện thực thế sự, đời tư chiếm một vị trí ngày càng quan trọng hơn trong đời sống văn xuôi nói chung và trong truyện ngắn nữ nói riêng.

4.3.2. Sự đa chiều kích và đa tính chất của thời gian nghệ thuật

Truyện ngắn hiện đại thể hiện một cách sinh động và phong phú các dạng thời gian nghệ thuật khác nhau mà nổi bật là các kiểu thời gian khép kín, vận động theo các dữ kiện cho đến khi kết thúc; hay thời gian mở theo tiến trình sự kiện, xuất hiện những khả năng mới. Các bình diện thời gian quá khứ, hiện tại và tương lai đan quyện với nhau xuyên suốt các tác phẩm tạo nên một bức tranh thời gian nghệ thuật đặc sắc gắn bó mật thiết với hệ thống nhân vật.

Thời gian trong truyện ngắn nữ 1975-1985 là thời gian gắn liền với đời thường, mỗi cá nhân, thời gian bị chia khúc cắt nhỏ gắn liền với kí ức và hồi tưởng. Thời gian quá khứ được sử dụng nhiều trong những tác phẩm viết về chiến tranh, nó hiện ra đậm đặc từ những trang đầu đến trang cuối. Thời gian là trong ý thức của cá nhân, ý thức về từng khoảnh khắc đang sống có nhiều ý nghĩa trong đời sống nội tâm con người. Thời gian nghệ thuật trong tác phẩm của các nhà văn nữ thực sự trở thành phạm trù thời gian để tác giả nhận thức về cuộc sống và con người trong những quan hệ bản chất và quan hệ tương tác của chúng.

KẾT LUẬN

1. Truyện ngắn Việt Nam 1975-1985 nói chung và truyện ngắn nữ nói riêng được xem là thời đoạn sáng tác bản lề, là bước ngoặt chuyển mình từ thời chiến sang thời bình, từ khuynh hướng sử thi - chính trị sang khuynh hướng đời tư - thể sự; từ giọng cao sang giọng trầm; từ ngợi ca đất nước với cảm hứng lạc quan, hào hùng sang khẳng định và ngợi ca cuộc sống mới với cảm hứng đời thường và đạo đức, nhân văn mới.

Cùng với sự thay đổi của lịch sử - xã hội và các quan hệ nhân sinh, văn học nghệ thuật cũng nhanh chóng tìm tòi, chuyển đổi tư duy; hướng cảm xúc và cái nhìn nghệ thuật vào hiện thực mới để chiếm lĩnh đúng những quan hệ bản chất và quan hệ tương tác giữa con người với con người, giữa con người với hoàn cảnh để phản ánh bức tranh đa dạng và đa phân ấy vào tác phẩm; tạo nên những thế giới nghệ thuật tương thích với đời sống luôn vận động và phát triển. Nếu trước đây trong thời chiến, văn học luôn có cái nhìn hướng ngoại, thể hiện con người trong chiến tranh thì thời bình văn học quan tâm đến con người cá nhân, cá thể mang tính hướng nội, mang cảm quan đời thường đa dạng và phức tạp tạo ra được cái nhìn và tư duy nghệ thuật mới. Truyện ngắn nữ sau 1975 luôn có cái nhìn so sánh với quá khứ và dự cảm về tương lai trên nền hiện thực mới một cách chân thật và nhân văn. Có nghĩa là truyện ngắn luôn quan tâm đến con người trong tính nhân sinh, đạo đức tối đa, phù hợp với hoàn cảnh hậu chiến đang đặt ra muôn ngàn vấn đề cần phải giải quyết.

2. Sau 1975, văn học nhận thức rõ tính phức tạp của đời sống trong tính quy luật và trái quy luật của nó. Có những điều giản đơn dễ giải quyết, nhưng cũng có nhiều vấn đề phức tạp không dễ khắc phục được. Chính ở chỗ phức tạp này, văn học, bằng chức năng nhận thức và giao tiếp của mình, phải tiên phong làm tiền trạm cho con người và cuộc sống. Nhà văn phải thay đổi cách nhìn, nhất là phải thay đổi cách cảm, cách nghĩ trong từng bối cảnh hiện thực để nhận diện đúng quan hệ bản chất mà cốt lõi của nó là thay đổi quan niệm nghệ thuật về

cuộc sống và con người, kéo theo sự thay đổi tư duy nghệ thuật và cảm hứng thẩm mỹ để xây dựng thành công nhân vật điển hình cho từng chủ đề, đề tài. Truyện ngắn nữ giai đoạn 1975-1985 đã chiếm lĩnh và phản ánh đúng trọng tâm hiện thực thời bình qua từng đề tài và đã xây dựng thành công hình tượng con người thời chiến và con người hậu chiến, con người đời tư - thể sự với các quan hệ phức tạp, cụ thể, chân thật. Điều này đã làm cho truyện ngắn nữ giai đoạn này diễn ra hợp quy luật trong tính kế thừa, vận động và phát triển từ truyện ngắn giai đoạn trước 1975 và quan trọng là nó có khả năng làm tiền đề cho truyện ngắn từ 1986 tiếp tục đổi mới và phát triển cho đến nay.

Dù vậy, trong tiếp nhận, đặc biệt là tiếp nhận của những nhà nghiên cứu và phê bình truyện ngắn chuyên nghiệp, giai đoạn này vẫn chưa có cái nhìn đồng thuận và thống nhất. Không ít ý kiến và nhận định trái chiều, thậm chí có người cho rằng giai đoạn này truyện ngắn nói chung không mấy giá trị; vì trượt theo quán tính của truyện ngắn trước 1975 nên còn nhiều hạn chế. Họ xem đây là điểm yếu chứ không phải là đặc điểm có tính lịch sử mà bất kỳ nền văn học nào cũng phải diễn ra như thế khi chuyển giai đoạn. Nhiều bình diện thuộc về nội dung và hình thức tác phẩm chưa được nghiên cứu và nâng lên thành lý thuyết, chưa chỉ ra tiến trình vận động thể loại một cách cụ thể. Đây chính là hướng mở đề tài chúng tôi bỏ khuyết theo tinh thần khách quan, biện chứng và lịch sử. Đề tài chúng tôi hướng đến việc chứng minh những thành tựu của truyện ngắn nữ Việt Nam 1975-1985 là sự vận động hợp quy luật, mang giá trị nhận thức và thẩm mỹ cần và đủ của một giai đoạn văn học cụ thể.

3. Văn học sau 1975 đã nhanh chóng nắm bắt và chiếm lĩnh bước ngoặt chuyển mình quan trọng này của xã hội nên sớm thay đổi cách nhìn, cách tư duy nghệ thuật trong ý thức sáng tạo của văn nghệ sĩ. Các nhà văn đã kịp thời phát hiện ra con người cá nhân với tính chất phức tạp và đa dạng của cuộc sống thời bình. Từ đó, văn học có nhu cầu đổi mới mạnh mẽ, trước hết là đổi mới quan niệm nghệ thuật và thẩm mỹ về cuộc sống và con người. Nhu cầu nhìn nhận lại văn

học giai đoạn thời chiến với những mặt tích cực và hạn chế của nó để xác lập cách tái hiện mới về chiến tranh và con người trong chiến tranh với cảm hứng tự hào và ân nghĩa. Bên cạnh đó, những quan điểm mới của con người trong thời bình với những phức tạp của nó cũng được các nhà văn thể hiện chân thật mang tính đạo đức, nhân văn cao đẹp.

Khác với trước đây, mỗi con người là một nhân cách công dân mang tinh thần đại diện cho cộng đồng, dân tộc để chiến đấu và hành động thì giờ đây, con người trầm tĩnh, lắng lại với những suy tư mang tính triết lý, chiêm nghiệm của mỗi cá nhân trong quan hệ đời thường, cân bằng giữa hai cái riêng - chung. Cá nhân được đề cao, nhưng đó không phải là cá nhân chủ nghĩa nên bên cạnh cái chung, con người cũng cần quan tâm đến những vấn đề thuộc về cái riêng tư, thuộc về bản chất và thân phận con người. Truyện ngắn, đặc biệt là truyện ngắn nữ có khả năng bám sát và đi sâu vào những vấn đề bản thể người như thế.

4. Luận án nhận diện truyện ngắn nữ Việt Nam 1975-1985 tuy có diễn ra theo quán tính của truyện ngắn trước 1975, nhưng đó là quán tính hợp quy luật bởi đặc trưng chủ yếu của nó là từ tư duy hướng ngoại chuyển dần thành tư duy hướng nội. Con người trong chiến tranh được nhận thức lại khách quan, chân thật hơn vì độ lùi thời gian và không khí thời bình cho phép. Bên cạnh đó, con người trở về từ chiến trường, con người đời tư với cảm xúc nội tâm và trạng thái tinh thần đa phức được bộc lộ thông qua những kinh nghiệm quan hệ sống cụ thể của thời bình được phản ánh đúng với hiện thực và kinh nghiệm, vốn sống của từng nhà văn nên được người đọc đồng cảm, tiếp nhận. Nhờ đó mà chúng ta có thể nhận rõ được tư duy, cái nhìn nghệ thuật và quan niệm nghệ thuật về con người qua tác phẩm của các tác giả nữ tiêu biểu trong từng bước ngoặt chuyển mình của đời sống xã hội, nhất là các tác phẩm viết về đề tài chiến tranh và đề tài bi kịch sau chiến tranh với cảm hứng đề cao đạo đức, nhân văn. Đề tài đời tư - thể sự xuất hiện với cảm hứng nhận thức đa phân của hiện thực thời bình ngày càng sinh động trong truyện ngắn nữ 1975-1985.

Đó chính là nhu cầu bù đắp cho những so le trước đó để tạo ra sự tích hợp nghệ thuật và thi pháp mới mẻ, hài hòa cho truyện ngắn giai đoạn này. Chúng tôi xem đây là thành tựu mới của truyện ngắn nữ giai đoạn này trên hành trình vận động, phát triển và đổi mới tư duy nghệ thuật. Nhờ đó, người đọc nhận ra diện mạo truyện ngắn nữ giai đoạn 1975-1985 diễn ra trong dòng chảy tiếp biến, liên tục từ truyện ngắn Việt Nam giai đoạn trước 1975 đến nay.

5. Thay đổi về nội dung truyện ngắn nữ 1975-1985 thông qua sự chiếm lĩnh hiện thực mới về chủ đề, đề tài và cảm hứng nghệ thuật mới đã kéo theo sự đổi mới về phương thức biểu hiện. Trước hết là sự thay đổi điểm nhìn nghệ thuật. Nhà văn có ý thức giảm dần điểm nhìn sử thi của truyện ngắn thời chiến, thay vào đó là tăng cường điểm nhìn hiện thực đời thường trong thời bình để phản ánh hiện thực biền chương và khách quan hơn, đa dạng hơn xuất phát từ nhu cầu nhận thức tối đa về cuộc sống và nhân đạo hóa tối đa về con người. Kế đến là sự đổi mới về ngôn ngữ/ lối viết và giọng điệu - yếu tố chính để làm nên phong cách tác giả và sự vận động thể loại. Lối viết thể hiện qua kỹ thuật viết “dòng ý thức” và lối viết theo ngôn ngữ đời thường đã làm cho diễn ngôn truyện ngắn nữ có sự đổi mới đa dạng và mang sắc thái nữ sáng rõ cho từng đề tài, phù hợp với nhu cầu tự thuật, tự thoại và đối thoại của con người thời bình. Bên cạnh ngôn ngữ/ lối viết là giọng điệu để tác giả tạo nên cá tính sáng tạo và phong cách riêng được cá thể hóa cao độ. Giọng điệu suy luận, triết lý; giọng điệu tranh biện, đối thoại và giọng điệu xót xa, thương cảm được các nhà văn nữ tăng cường để phù hợp với cuộc sống và tiếp nhận, giao tiếp, đối thoại của người đọc, tạo được sự đa thanh và phức điệu mang âm hưởng đời thường, dễ nội cảm trong tiếp nhận của độc giả. Không gian và thời gian trong truyện ngắn nữ giai đoạn này cũng có sự tương ứng mới, đa dạng thức và đa chiều kích tùy theo từng đề tài quy định. Nó chính là môi sinh, hoàn cảnh để con người tồn tại, suy tư và chiêm nghiệm về những quan hệ nhân sinh thời chiến và hậu chiến một cách biền chương, khách quan.

6. Dù vậy, truyện ngắn giai đoạn 1975-1985 vẫn có những hạn chế và khiếm khuyết mà bản thân tác giả và bản thân thể loại cũng không thể vượt qua. Chính những giới hạn của vô thức sáng tạo đã làm nên những khoảng trống của tác phẩm. Ngôn ngữ trong nhiều tác phẩm còn mang âm hưởng ngợi ca một chiều khi thể hiện chiến tranh và con người trong chiến tranh, chưa cân bằng được giữa cảm tính và lý tính, giữa cái đang tồn tại và cái phải tồn tại, sẽ tồn tại. Miêu tả cuộc sống đời thường, nhiều tác giả còn tỏ ra mất lòng tin trước viễn cảnh tốt đẹp của cuộc sống, trái lại nhiều lúc có cái nhìn bi quan và âu lo về sự xuống cấp tình người và khả năng hoàn thiện nhân cách. Nhiều tác phẩm chưa tạo ra sự tích hợp nhuần nhuyễn giữa truyền thống và hiện đại, giữa hiện thực và trữ tình, giữa ngôn ngữ tư duy lý luận và ngôn ngữ phổ thông/ đời thường; chưa nỗ lực đổi mới thể loại, thiếu những cách tân cụ thể để làm giàu cho thể loại truyện ngắn. Nhiều nhà văn vẫn còn viết theo quán tính truyện ngắn trước năm 1975.

7. Ngoài những hạn chế nói trên, xét tổng thể trong mạch nguồn chung của tiến trình truyện ngắn Việt Nam hiện đại, truyện ngắn nữ giai đoạn 1975-1985 vẫn đạt được những thành tựu đáng kể trong việc chiếm lĩnh hiện thực và thể hiện thành hình tượng, ngôn từ và tư tưởng mang phẩm tính nghệ thuật xuất phát từ kinh nghiệm sống và sáng tạo của từng nhà văn. Truyện ngắn nữ Việt Nam 1975-1985 tạo được sự vận động và tiếp biến từ truyện ngắn giai đoạn trước 1975, là cầu nối cho truyện ngắn giai đoạn từ Đổi mới đến nay; vì vậy cần được tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu sâu và toàn diện hơn nữa bằng nhiều góc nhìn và nhiều phương pháp tiếp cận khác nhau.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC
ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ**

1. Hoàng Thị Khánh Ly (2024), “Tư duy nghệ thuật truyện ngắn Lê Minh Khuê”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân*, số 4.
2. Hoàng Thị Khánh Ly, Hồ Tiểu Ngọc (2024), “Truyện ngắn Lê Minh Khuê – từ quan niệm sáng tác đến diễn ngôn nghệ thuật”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng*, số 5A.
3. Hoàng Thị Khánh Ly (2024), “Chiến tranh và số phận người phụ nữ trong truyện ngắn của Lê Thị Mây”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia Văn học miền trung nửa sau thế kỷ XX*, NXB Đại học Huế, Huế.
4. Hoang Thi Khanh Ly, Pham Khanh Duy (2024), “The Eastern window (Nguyen Thi Kim Hoa) through the lens of trauma theory”, *Certificate of Achievement, The 7th International Conference on Language, Society, and Culture in Asian Contexts (LSCAC 2024)*, Hue city, Vietnam.